

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH TH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 449/2020/HSST

Ngày: 29/9/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Anh Thư

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Ông Phạm Khắc Mã

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 417/2020/HSST ngày 01/9/2020 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 442/QĐXXST – HS ngày 11/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Ngọc M; Sinh ngày 13 tháng 01 năm 1997.

- Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

- Nơi ĐKKHKT: Tổ 4, phường Cam Giá, thành phố TH, tỉnh TH.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Phạm Ngọc Toàn, đã chết; Con bà: Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1975; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/4/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra C an thị xã Phổ Yên, tỉnh TH khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra trong các ngày 14/4/2020, 19/4/2020, 21/4/2020 tại địa bàn thị xã Phổ Yên; Ngày 21/5/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra C an thành phố Sông C, tỉnh TH khởi tố bị can về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 19/4/2020 tại địa bàn thành phố Sông C.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: Phạm Văn H; Sinh ngày 30 tháng 9 năm 1999.

- Tên gọi khác: Không.; Giới tính: Nam.

- Nơi ĐKHKTT: Tổ 6, phường Cam Giá, thành phố TH, tỉnh TH.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Bố: Không rõ; Con bà: Trần Thị Sáu, sinh năm 1961; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.; Chưa có vợ, con.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/4/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra C an thị xã Phổ Yên, tỉnh TH khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra trong các ngày 14/4/2020, 19/4/2020, 21/4/2020 tại địa bàn thị xã Phổ Yên; Ngày 21/5/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra C an thành phố Sông C, tỉnh TH khởi tố bị can về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 19/4/2020 tại địa bàn thành phố Sông C; Ngày 19/6/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra C an thành phố Sông C, tỉnh TH khởi tố bị can về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 24/3/2020 tại địa bàn thành phố Sông C.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác.

* **Người bị hại:** Chị Dương Huyền T, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đà Tiến, xã Thịnh Đức, thành phố TH

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Bá Vân 5, xã Bình Sơn, thành phố Sông C, tỉnh TH

2. Anh Phùng M Đ, sinh năm 1986 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 13, phường Tích Lương, TP Sông C, tỉnh TH

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 17/4/2020, Phạm Ngọc M, Phạm Văn H, Hà M Đ(sinh năm 1997, trú tại tổ 5, phường Cam Giá, thành phố TH) và Vũ Văn Đ (sinh năm 1997, trú tại tổ 6, phường Cam Giá, thành phố TH) ăn cơm tại nhà anh họ của H tại phường Cam Giá, thành phố TH. Sau khi ăn cơm xong các đối tượng đã rủ nhau đi xung quanh khu vực thành phố TH xem ai có tài sản sơ hở để cướp giật. H điều khiển xe mô tô của H nhãn hiệu Yamaha –Exciter, màu xanh xám đen, mang BKS: 20B2 – 17014 phía sau chở M còn Hà M Đđiều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Exciter, màu đen BKS: 20F1-39160 phía sau chở Vũ Văn Đ cùng đi cướp giật tài sản. Trước khi đi, H sử dụng giấy dán decan màu vàng dán bít phần biển kiểm soát có chữ “B2” và số “70” để không bị phát hiện và dễ tẩu thoát. Nhóm M và nhóm Đđi chuyển theo đường Cách mạng tháng 8 hướng trung tâm thành phố TH, khi đến ngã tư phường Trung Thành thì rẽ trái đi theo hướng Quốc lộ 3 cũ đến trung tâm thành phố TH. Trên đường đi nhóm Đtăng ga đi nhanh nên nhóm M không đuổi kịp. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi M và H đi đến đoạn gần cầu vượt Đán thuộc tổ 5, phường Tân Thịnh, thành phố TH thì nhìn thấy một xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125, màu đen, BKS: 20B1 – 91096 đang đi ngược chiều (sau xác Đ là xe của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987, HKTT: Xóm Bá Vân 5, xã Bình Sơn, thành phố Sông C, tỉnh TH điều khiển, phía sau chở chị Dương Huyền T, sinh năm 1992, HKTT: Xóm Đà Tiên, xã Thịnh Đức, thành phố TH). Cả hai nhìn thấy chị T đang đeo 01 chiếc túi xách màu đen bên vai trái nên M và H nảy sinh ý Đ cướp giật tài sản của chị T. Đi qua một đoạn thì H quay xe lại, đi từ từ theo sau xe anh C để quan sát, đi theo khoảng 5m thì H tăng ga, điều khiển xe đi song song và áp sát vào phía bên trái của chị T. Lúc này, M ngồi phía sau dùng tay phải giật mạnh chiếc túi xách chị T đang đeo rồi dùng tay ôm vào người H để báo cho H biết đã giật được tài sản, H tăng ga bỏ chạy về hướng trung tâm thành phố TH. Anh C và chị T bị ngã xuống đường. Trên đường chạy thoát, M một mình kiểm tra chiếc túi xách thấy có 01 điện thoại Iphone Xsmax, màu vàng và 01 tệp tiền đều gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Do không muốn chia cho H nên M đã giấu tệp tiền trên vào túi quần mình đang mặc, còn chiếc điện thoại M tháo sim ra để người khác không Đ vị được. M và H di chuyển về theo đường cũ, khi đi đến đoạn đường giao nhau giữa đường Việt Bắc và đường thống nhất, thì đi vào đường bê tông đối diện đường Việt Bắc đến ngã 3 đường Tân Quang thuộc tổ 13, phường Gia Sàng, thành phố TH. Tại đây, M và H dừng lại để kiểm tra tài sản, qua kiểm tra bên trong ví có 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng và 01 đôi bông tai màu vàng M đưa cho H, còn một số giấy tờ khác không có giá trị nên M vứt túi và các giấy tờ vào bụi cỏ ven đường. Sau đó, M và H điều khiển xe mô tô đi đến quán điện thoại Nhật M thuộc tổ 5, phường Trung Thành, thành phố TH do anh Phùng M Đ

(sinh năm 1986, HKTT: Tổ 13, phường Tích Lương, thành phố TH) làm chủ bán chiếc điện thoại trên với giá 5.500.000 đồng. M được chia số tiền 2.200.000 đồng, H được số tiền 2.700.000 đồng, số tiền còn lại 600.000 đồng, cả hai cùng nhau chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị cướp giật tài sản, hồi 21 giờ 20 phút cùng ngày, chị Dương Huyền T đã tới C an phường Tân Thịnh, thành phố TH trình báo, đề nghị giải quyết. Chị T xác Đ chị bị cướp giật 01 túi da màu đen, kích thước 20cmx35cm, có 04 quai đeo bằng sắt dạng mắt xích màu trắng, bên trong túi xách của chị có số tiền 5.000.000 đồng, gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 01 đôi khuyên tai bằng vàng tây dạng hình tròn nhỏ không có hoa văn, có gắn 01 số viên đá nhỏ màu trắng chị mua năm 2017 với giá 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX màu vàng.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Ngọc M, Phạm Văn H khai nhận hành vi của mình như nêu trên. Lời khai của các bị can phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, M khai nhận: Số tiền M lấy trong túi xách của chị T khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, đều gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, M không đếm nên không biết chính xác là bao nhiêu tiền. Số tiền trên H không biết có trong túi của chị T vì M không nói. M đã sử dụng số tiền này để mua quần áo và tiêu xài cá nhân hết. Phạm Văn H khai phù hợp với lời khai của M như trên, H không biết trong túi xách của chị T có số tiền 5.000.000 đồng. Về đôi bông tai màu vàng, H nghĩ giá trị thấp nên trên đường từ quán điện thoại Nhật M về nhà, H đã vứt đi, không rõ vứt tại khu vực nào.

Tại bản kết luận số 84/HĐĐGTS ngày 24/4/2020 của Hội đồng Đ giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố TH kết luận chiếc điện thoại trên có trị giá 12.500.000 đồng.

Tại bản kết luận số 84/HĐĐGTS ngày 24/4/2020 của Hội đồng Đ giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố TH kết luận: Đối với chiếc túi da và đôi bông tai, Hội đồng Đ giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố TH từ chối Đ giá do tài sản cần Đ giá không thu giữ được, không cung cấp được mẫu tài sản tương tự, không có hóa đơn, chứng từ mua bán do vậy tại thời điểm Đ giá Hội đồng Đ giá tài sản không đủ căn cứ, điều kiện cần thiết để tiến hành Đ giá

** Vật chứng của vụ án:*

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Imei 357261091296803. Ngày 22/4/2020, anh Phùng M Đ đã giao nộp chiếc điện thoại trên

cho cơ quan C an để giải quyết theo quy Đ. Hiện chiếc điện thoại đã được trả lại cho chị Dương Huyền T quản lý sử dụng (BL: 35, 61, 106);

- 5.000.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 chiếc túi da màu đen, kích thước 20cmx35cm, có 04 quai đeo bằng sắt dạng mắt xích màu trắng; 01 đôi bông tai bằng vàng tây dạng hình tròn nhỏ không có hoa văn, có gắn 01 số viên đá nhỏ màu trắng. Hiện số tài sản trên chưa thu hồi được.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha –Exciter, màu xanh xám đen, mang BKS: 20B2 – 17014 các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, hiện đang là vật chứng trong vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra C an thị xã Phổ Yên, tỉnh TH thụ lý nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Dương Huyền T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 6.000.000 đồng. Anh Phùng M Đ yêu cầu các bị can phải bồi thường cho anh số tiền 5.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 424/CT – VKSTPTN ngày 28/08/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố các bị cáo Phạm Ngọc M và Phạm Văn H về tội “Cướp giật tài sản” quy Đ tại điểm d, khoản 2 Điều 171 BLHS.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TH giữ quyền C tố đã C bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội: các bị cáo Phạm Ngọc M và Phạm Văn H về tội “ Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d , khoản 2 Điều 171; điểm s, khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS xử phạt: Phạm Ngọc M từ 4 năm đến 5 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS xử phạt: Phạm Văn H từ từ 4 năm đến 5 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Imei 357261091296803. Ngày 22/4/2020, anh Phùng M Đ đã giao nộp chiếc điện thoại trên cho cơ quan C an để giải quyết theo quy Đ. Hiện chiếc điện thoại đã được trả lại cho chị Dương Huyền T quản lý sử dụng

+ Số tiền 5.000.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 chiếc túi da màu đen, kích thước 20cmx35cm, có 04 quai đeo bằng sắt dạng mắt xích màu trắng; 01 đôi

bông tai bằng vàng tây dạng hình tròn nhỏ không có hoa văn, có gắn 01 số viên đá nhỏ màu trắng. Hiện số tài sản trên chưa thu hồi được.

+ Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha –Exciter, màu xanh xám đen, mang BKS: 20B2 – 17014 các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, hiện đang là vật chứng trong vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh TH thụ lý nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về trách nhiệm dân sự: + Chị Dương Huyền T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 5.000.000 đồng. Về chiếc túi da màu đen, kích thước 20cmx35cm, có 04 quai đeo bằng sắt dạng mắt xích màu trắng; 01 đôi bông tai bằng vàng tây dạng hình tròn nhỏ không có hoa văn, có gắn 01 số viên đá nhỏ màu trắng chị T không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

+ Anh Phùng M Đ không yêu cầu các cáo phải bồi thường cho anh số tiền 5.500.000 đồng

Anh Nguyễn Văn C không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường

* Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận và thừa nhận việc truy tố là đúng tội, không oan, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Phạm Ngọc Minh đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo là H toàn khách quan, phù hợp với lời khai của người bị hại,

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận:

Do cần tiền tiêu xài, Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17/4/2020, tại tổ 5, phường Tân Thịnh, thành phố TH, Phạm Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha –Exciter, màu xanh xám đen, mang BKS: 20B2 – 17014 phía sau chở Phạm Ngọc M có hành vi cướp giật của chị Dương Huyền T 01 túi da màu đen, kích thước 20cmx35cm, có 04 quai đeo bằng sắt dạng mắt xích màu trắng, bên trong túi xách của chị T có số tiền 5.000.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 đôi khuyên tai bằng vàng tây dạng hình tròn nhỏ không có hoa văn, có gắn 01 số viên đá nhỏ màu trắng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX màu vàng (qua Đ giá có giá trị là 12.500.000 đồng). Sau khi cướp giật được tài sản, trên đường chạy thoát, M một mình kiểm tra túi xách thấy có số tiền 5.000.000 đồng, do không muốn chia cho H nên M cất số tiền trên vào túi quần đang mặc, không cho H biết. Sau đó, cả hai mang chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX màu vàng đến cửa hàng điện thoại Nhật M bán cho anh Phùng M Đ được số tiền 5.500.000 đồng. Số tiền trên cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với chiếc túi xách và đôi bông tai bằng vàng, do nghĩ giá trị không lớn nên cả hai đã vứt trên đường đi về. Hiện chiếc điện thoại đã được thu hồi trả lại cho chị Dương Huyền T quản lý, sử dụng. Đối với số tiền 5.000.000 đồng, H đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với chiếc túi xách và đôi bông tai bằng vàng hiện không thu hồi được,. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản, tội phạm và hình phạt quy Đ tại điểm d, khoản 2 Điều 171 BLHS.

[3]. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố các bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là H toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 171 BLHS quy Đ như sau:

“..1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

....

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

Xét hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của C dân, quyền bất khả xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của con người, gây dư luận xấu, làm mất trật tự trị an tại địa phương nên hành vi này phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng với

tính chất, mức độ và hành vi của các bị cáo gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS các bị cáo được hưởng:

Bị cáo Phạm Ngọc M và bị cáo Phạm Ngọc H chưa có tiền án, tiền sự, nhưng là những đối tượng xấu, thích chơi bời lêu lổng, không chịu tu chí làm ăn, đã liên tiếp có hành vi cướp giật tài sản của người khác để tiêu sài cá nhân. Hai bị cáo có nhân thân rất xấu: Ngày 22/4/2020, M và H đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh TH khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra trong các ngày 14/4/2020, 19/4/2020, 21/4/2020 tại địa bàn thị xã Phổ Yên; Ngày 21/5/2020, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông C, tỉnh TH khởi tố bị can về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 19/4/2020 tại địa bàn thành phố Sông C. Ngày 19/6/2020, Phạm Văn H còn bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông C, tỉnh TH khởi tố bị can về tội “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 24/3/2020 tại địa bàn thành phố Sông C. Quá trình điều tra và tại phiên tòa cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 BLHS.

Trong vụ án này, Phạm Văn H là người điều khiển xe mô tô chở Phạm Ngọc M ngồi sau thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm. Xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của H và M trong vụ án này là ngang nhau, vì vậy hội đồng xét xử căn cứ vào mức độ, hành vi của từng bị cáo để xem xét có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo.

[5]. Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, cần có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo, buộc cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người lương thiện. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, Các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền do hành vi cướp giật tài sản để sử dụng cho bản thân, tuy nhiên hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập gì, không có tài sản gì riêng, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Hiện chiếc điện thoại di động đã được thu hồi và trả lại cho bị hại quản lý sử dụng. Bị hại không có yêu cầu gì. Về số tiền 5.000.000 đồng trong túi xách H và M đã cướp giật được của bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa M khai

nhận: Số tiền bị cáo M lấy trong túi xách của chị T khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, đều gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, M không đếm nên không biết chính xác là bao nhiêu tiền. Số tiền trên bị cáo H không biết có trong túi của chị T vì M không nói. M đã sử dụng số tiền này để mua quần áo và tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo H không biết trong túi xách của chị T có số tiền 5.000.000 đồng. Nay bị hại yêu cầu phải trả lại cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, cần buộc bị cáo M phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng.

Về đôi bông tai màu vàng, H nghĩ giá trị thấp nên trên đường từ quán điện thoại Nhật M về nhà, H đã vứt đi, không rõ vứt tại khu vực nào, bị hại cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phùng M Đ đã mua của bị cáo chiếc điện thoại di động Iphone Xsmax, màu vàng đã cướp giật được của chị T với giá 5.500.000 đồng, anh M không biết tài sản trên do hai bị cáo phạm tội mà có nên đã giao nộp chiếc điện thoại trên cho cơ quan điều tra. Giai đoạn xét xử anh M không yêu cầu bị cáo M và H phải bồi thường cho anh số tiền trên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên HĐXX không xem xét.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, số Imei 357261091296803. Hiện chiếc điện thoại đã được trả lại cho chị Dương Huyền T quản lý sử dụng. Chị T không có ý kiến đề nghị gì.

- Về số tiền các bị cáo đã bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng với giá 5.500.000 đồng. Bị cáo M được chia số tiền 2.200.000 đồng, Bị cáo H được số tiền 2.700.000 đồng, số tiền còn lại 600.000 đồng, cả hai cùng nhau chi tiêu cá nhân hết. Cần truy thu của hai bị cáo số tiền trên sung quỹ nhà nước.

[9]. Các vấn đề khác:

- Khi bị M và H cướp giật tài sản, chị Dương Huyền T và anh Nguyễn Văn C đều bị ngã xuống đường khiến chị T bị xước ở hông bên trái, bị xước ở mu bàn tay phải; anh C bị xây sát khuỷu tay trái, xây sát và chảy máu ở mu bàn chân trái. Tuy nhiên, vì chỉ bị thương tích nhẹ, không ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe nên anh chị không có yêu cầu đề nghị gì về thương tích, do đó, cơ quan điều tra không xem xét giải quyết.

- Đối với anh Phùng M Đ là người đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE XS MAX màu vàng do Phạm Ngọc M và Phạm Văn H cướp giật được của chị

Dương Huyền T. Quá trình điều tra xác Đ khi mua chiếc điện thoại trên, anh Đ không biết đó là tài sản do M, H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hình sự đối với anh Đ.

- Ngoài hành vi cướp giật tài sản như nêu trên, trong các ngày 14/4/2020, 19/4/2020, 21/4/2020, tại địa bàn thị xã Phổ Yên, tỉnh TH, Phạm Ngọc M, Phạm Văn H còn thực hiện nhiều vụ cướp giật tài sản khác; trong ngày 19/4/2020, tại địa bàn thành phố Sông C, tỉnh TH, Phạm Ngọc M và Phạm Văn H thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản; ngày 24/3/2020, tại địa bàn thành phố Sông C, tỉnh TH, Phạm Văn H thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản. Hiện các vụ án trên đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra C an thị xã Phổ Yên, tỉnh TH và Cơ quan cảnh sát điều tra C an thành phố Sông C, tỉnh TH khởi tố vụ án, khởi tố bị can theo quy Đ của pháp luật.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy Đ của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy Đ của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT Đ

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc M và bị cáo Phạm Văn H phạm tội “ Cướp giật tài sản”.

- **Căn cứ vào:** điểm d, khoản 2 Điều 171 ; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS. Xử phạt: Phạm Ngọc M: **04 năm 06 tháng**(Bốn năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án

- **Căn cứ vào:** điểm d, khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 BLHS. Xử phạt: Phạm Văn H: **04 năm 06 tháng** (Bốn năm sáu tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình sự bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

- Truy thu của bị cáo M số tiền 2.500.000 đồng; Truy thu bị cáo H số tiền 3.000.000 đồng vào Ngân sách nhà nước do các bị cáo phạm tội mà có.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2, Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015: Buộc bị cáo Phạm Ngọc M phải bồi thường cho bị hại chị Dương Huyền T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

Kể từ ngày Quyết Đ có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy Đ tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, Quyết Đ được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí: Căn cứ Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy Đ về án phí, lệ phí tòa án: Buộc bị cáo H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, buộc bị cáo M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Án xử C khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, TP;
- C an TPTN;
- THA phạt tù;
- Sở Tư pháp TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

TAND TP. TH
TỈNH TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TH, ngày 06 tháng 03 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....ngày 06 tháng 03 năm 2019

Tại: Phòng nghị án – Tòa án nhân dân thành phố TH

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Ông Lê Văn Ninh

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2019/TLST - HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Linh, sinh năm 1988;

Tên gọi khác: Không

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 18, phường Phan Đình Phùng, TP TH

2. Bùi Văn Cường, sinh năm 1988

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 14, phường Đồng Quang, TP TH

Căn cứ các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy Đ của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT Đ CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Bị cáo Lê Văn Linh và bị cáo Bùi Văn Cường phạm tội “ Cướp giật tài sản”.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt :

- **Căn cứ vào:** điểm d, khoản 2 Điều 171 ; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS. Xử phạt: Lê Văn Ninh : **05** (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2018.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS năm 2015 Quyết Đ tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- **Căn cứ vào:** điểm d, i, khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt: Bùi Văn Cường: **05**(năm) năm **06**(sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2018.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS năm 2015 Quyết Đ tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình sự bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về các vấn đề khác:

* Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết.

* Án phí: Căn cứ Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy Đ về án phí, lệ phí tòa án: Buộc bị cáo Lê văn Linh phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), buộc bị cáo Bùi Văn Cường phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử C khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ..... phút, ngày 06 tháng 03 năm 2019

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, TP;
- C an TPTN;
- THA phạt tù;
- Sở Tư pháp TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, TP;
- C an TPTN;
- THA phạt tù;
- Sở Tư pháp TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Anh Thư